

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2020

Về việc: Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và bà Phạm Hồng Thiêm

Thư ký ghi biên bản phiên tòa phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy

Đại diện VKSND huyện Thái Thụy tham gia phiên Tòa: Bà Trần Thị Tình –

Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22/5/2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 15/2020/QĐST – HNGĐ ngày 10/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mừng Thị T, sinh năm 19xx

Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc P, sinh năm 19xx

Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Mừng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Ngọc P tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/3/2015 trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì P sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Đỗ Ngọc P.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Đỗ Thảo N, sinh ngày 10/10/2014 và Đỗ Hoài A, sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay hai con đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung. Chị cam kết đủ điều kiện nuôi con chung không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do điều kiện chị đang đi làm xa, việc xin nghỉ làm rất khó khăn nên chị xin được vắng mặt tại phiên Tòa.

* Anh P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại biên bản lấy lời khai của ông Đỗ Ngọc P1 là bố đẻ anh Đỗ Ngọc P trình bày:

Con ông là anh Đỗ Ngọc P sinh sống cùng gia đình ông tại xã Đ, huyện Thái Thụy. Hiện nay, anh P đang đi lao động tự do tại miền Nam, ông không biết địa chỉ cụ thể. Anh P vẫn thường xuyên về nhà vào các dịp nghỉ, lễ tết và thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Trước khi gửi đơn xin ly hôn ra Tòa án, chị T đã thông báo cho anh P và gia đình ông biết. Ông và gia đình đã nhận thay anh P các thông báo của Tòa án về việc chị T xin ly hôn anh P và thông báo nội dung cho anh P biết. Quan điểm của anh P thông qua ông như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P đồng ý ly hôn với chị T vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung, anh P, chị T có hai con chung là Đỗ Thảo N, sinh ngày 10/10/2014 và Đỗ Hoài A, sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay hai con chung đang ở cùng chị T, sau khi ly hôn anh P đồng ý giao chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy P biểu quan điểm:

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị T trong quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Anh P được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là từ bỏ quyền của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật xử cho chị T ly hôn anh P. Về con chung: Giao hai con chung Đỗ Thảo N, sinh ngày 10/10/2014 và Đỗ Hoài A, sinh ngày 25/10/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, các bên có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe phần trình bày của đương sự và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin vắng mặt và có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mừng Thị T và anh Đỗ Ngọc P đều xác nhận xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 04/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân P sinh mâu thuẫn thì thấy

anh P và chị T đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh P đồng ý. Chúng tôi mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T ly hôn đối với anh P.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh P đều xác nhận anh chị có hai con chung là Đỗ Thảo N, sinh ngày 10/10/2014 và Đỗ Hoài A, sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con chung, anh P đồng ý. Xét thấy, anh P hiện nay không có nhà, không trực tiếp nuôi con chung nên không đảm bảo đủ điều kiện nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị T giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị T phải chịu án phí ly hôn và các bên có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mừng Thị T được ly hôn anh Đỗ Ngọc P.

2. Về con chung: Anh Đỗ Ngọc P và chị Mừng Thị T có hai con chung là Đỗ Thảo N, sinh ngày 10/10/2014 và Đỗ Hoài A, sinh ngày 25/10/2016. Sau khi ly hôn giao cả hai con chung cho chị Mừng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung anh P, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mừng Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002117 ngày 07/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo Bản án: Vắng mặt chị T, anh P báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy;
- UBND xã Đ.
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương